

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 08 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thiều Hoàng Mới
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 346/TB-TA ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Hồng N, địa chỉ: XX, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* Bùi Văn K, địa chỉ: ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Hồng N trình bày:

Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Bùi Văn K kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 07 tháng 11 năm 2017. Vợ chồng có 01 người con chung là Bùi Lê Duy M sinh ngày 25/10/2018, hiện nay cháu M đang sống chung với bà N. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn gây mất hạnh phúc gia đình; vợ chồng đang sống ly thân. Nay bà N xin ly hôn ông K; về con chung bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Bùi Văn K, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông K nhưng ông K không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung chưa thành niên cho bà N trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Bùi Văn K là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông K xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, tính tình không hợp nhau nên luôn xảy ra mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly thân, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên bà N yêu cầu ly hôn ông K. Riêng về phía ông K, Tòa án đã triệu tập tham dự các phiên hòa giải ông đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng ông K tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nhưng địa phương không nắm được. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông K thì không có thiện chí hợp tác để hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Bà N và ông K có 01 con chung là cháu Bùi Lê Duy M sinh ngày 25/10/2018, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng; xét thấy về tuổi đời của cháu hiện đang còn quá nhỏ, nên rất cần sự đùm bọc quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ từ phía người mẹ, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên; đồng thời pháp luật cũng có quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”* (khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình); mặt khác ở thời điểm hiện tại, bà N đang nuôi cháu M, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu M cho bà N trực tiếp nuôi là phù hợp; ông K không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng, trên cơ sở tự nguyện của bà N không yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Hồng N được ly hôn ông Bùi Văn K.

- *Về con chung:* Giao cháu Bùi Lê Duy M sinh ngày 25/10/2018 cho bà Lê Hồng N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông Bùi Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông K, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002603, ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã A, huyện K-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu